

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG
(Kèm theo Giấy rút dự toán số 6_10_2024 ngày tháng 10 năm 2024)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VIỆT XUÂN**
2. Mã đơn vị: **1038960**
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **124000113248**; Tại: **Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 9 - TPHCM**
I. Nội dung đề nghị thanh toán: **Thanh toán tiền phụ cấp cho giáo viên dạy hoà nhập khuyết tật học kỳ II NH2023-2024 (từ ngày 01/01/2024 đến 31/05/2024)**

(Đơn vị: Đồng)

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:					Ghi chú
		Số Tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động thường xuyên theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	tiền phụ cấp cho giáo viên dạy hoà nhập khuyết tật học kỳ II NH2023-2024 (từ ngày 01/01/2024 Đến 31/05/2024)	
1	2	3		4	5	6	7	8	9	12
TỔNG SỐ				118.441.000	-	-	-	-	118.441.000	
I.	Đối với công chức, viên chức			118.441.000	-	-	-	-	118.441.000	
1	Nguyễn Quốc Hoạt	105878270258	TMCP Công Thương VN - CN 9	11.745.169					11.745.169	
2	Trần Thị Cẩm Nhung	108878316398	TMCP Công Thương VN - CN 9	4.377.544					4.377.544	
3	Đồng Thị Cúc	108878324680	TMCP Công Thương VN - CN 9	9.576.079					9.576.079	
4	Lê Trần Thanh Hải	107878320360	TMCP Công Thương VN - CN 9	518.054					518.054	
5	Nguyễn Hùng Cường	103878326574	TMCP Công Thương VN - CN 9	3.869.800					3.869.800	
6	Nguyễn Thị Thanh Nhi	107878293487	TMCP Công Thương VN - CN 9	9.250.074					9.250.074	
7	Lê Đỗ Thanh Trang	101878321089	TMCP Công Thương VN - CN 9	4.297.360					4.297.360	
8	Nguyễn Thị Mỹ Hoa	103878293493	TMCP Công Thương VN - CN 9	8.580.780					8.580.780	
9	Lâm Mỹ Lệ	104878293548	TMCP Công Thương VN - CN 9	7.854.048					7.854.048	
10	Trần Thảo Trâm	104878314367	TMCP Công Thương VN - CN 9	1.529.194					1.529.194	
11	Đinh Thị Kim Dung	101878304682	TMCP Công Thương VN - CN 9	7.574.958					7.574.958	
12	Mai Thị Hương	105878309164	TMCP Công Thương VN - CN 9	1.803.565					1.803.565	
13	Võ Ngọc Thảo Nguyên	102006677728	TMCP Công Thương VN - CN 9	2.285.192					2.285.192	
14	Nguyễn Thị Lưu Huỳnh	109878308531	TMCP Công Thương VN - CN 9	9.736.056					9.736.056	
15	Nguyễn Thị Minh Hiếu	102878320392	TMCP Công Thương VN - CN 9	748.994					748.994	
16	Võ Ngọc Quỳnh	101878324565	TMCP Công Thương VN - CN 9	1.497.989					1.497.989	
17	Nguyễn Hạnh Dung	106878324776	TMCP Công Thương VN - CN 9	4.716.590					4.716.590	
18	Trần Thiện Lộc	101878293580	TMCP Công Thương VN - CN 9	499.954					499.954	
19	Phạm Thảo Nguyên	109878317972	TMCP Công Thương VN - CN 9	821.812					821.812	
20	Võ Thị Thanh Lan	102878305707	TMCP Công Thương VN - CN 9	4.107.744					4.107.744	
21	Nguyễn Duy Nguyên	105878306264	TMCP Công Thương VN - CN 9	2.053.870					2.053.870	
22	Đinh Thị Lợi	103878328993	TMCP Công Thương VN - CN 9	2.278.192					2.278.192	
23	Ôn Cẩm Loan	102878293143	TMCP Công Thương VN - CN 9	1.643.098					1.643.098	
24	Lâm Trần Bảo Trân	109878324797	TMCP Công Thương VN - CN 9	1.586.936					1.586.936	
25	Nguyễn Hoàng Kim Nga	106878324560	TMCP Công Thương VN - CN 9	4.719.874					4.719.874	
26	Tô Thảo Phúc Tâm	100878270471	TMCP Công Thương VN - CN 9	1.874.822					1.874.822	
27	Nguyễn Thị Huyền	104880296748	TMCP Công Thương VN - CN 9	4.107.744					4.107.744	
28	Nguyễn Ngọc Thúy Tiên	102880298257	TMCP Công Thương VN - CN 9	3.142.411					3.142.411	
29	Nguyễn Thị Loan	105878293522	TMCP Công Thương VN - CN 9	1.643.097					1.643.097	
II.	Đối với lao động hợp đồng thực hiện công việc hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP									
III.	Đối với hợp đồng thực hiện công việc chuyên môn, nghiệp vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP									

Tổng số tiền bằng chữ: **Một trăm mười tám triệu, bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng chẵn.**

Ghi chú: Tổng biên chế được giao năm học 2024: 69 biên chế viên chức theo Quyết định số 798/QĐ-GDDT ngày 01/7/2024

Người lập

Lê Diệp Thúy

Kế toán trưởng

Lê Diệp Thúy
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Chuyên viên kiểm soát
chi/Giao dịch viên

Ngày 10 tháng 10 năm 2024
Thủ trưởng đơn vị
Lê Thị Xuân Kim Hiếu

Ngày..... tháng.....
Giám đốc KBNN cấp tỉnh
được ủy quyền/Giám đốc